

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-PT

Ngày: 11-01-2024

“V/v yêu cầu tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu và tranh
chấp thừa kế quyền sử dụng
đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Phụng.

2. Ông Nguyễn Văn Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa
án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên
tòa:** Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An
mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 546/2023/TLPT-DS
ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô
hiệu và tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 171/2023/DS-ST ngày 31-8-2023 của Tòa án
nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 801/2023/QĐ-PT ngày
14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1949.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Văn B, sinh năm
1987.

Cùng địa chỉ: Số 76 Bà Triệu, Khu phố 1, thị trấn X, huyện Y, Thành phố
Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 318 ấp Giồng Lớn, xã P, huyện Q, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1989 (giấy ủy quyền ngày 13/9/2022).

Địa chỉ: Thôn 4, xã Minh Phú, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ liên hệ: Số 35 Ông Ích Khiêm, Phường R, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Bà Mai Thị E, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Hậu Hòa, xã Đức Hòa Thượng, huyện Q, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hà Thị F, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 41/2B Tây Lân, xã Đ, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Hà Thị Thanh G, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 41/5 Tây Lân, xã Đ, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G: Bà Dương Thị Kim H, sinh năm 1963 (giấy ủy quyền ngày 19/8/2022).

Địa chỉ: Số 22 Ô7 khu B, thị trấn V, huyện Q, tỉnh Long An.

3.3. Ủy ban nhân dân huyện Q.

Trụ sở: Ô6 khu B thị trấn hậu Nghĩa, huyện Q, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trương U – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bé U – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q.

3.4. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Ấp Hậu Hòa, xã I, huyện Q, tỉnh Long An.

3.5. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Ấp Giồng Lớn, xã P, huyện Q, tỉnh Long An.

3.6. Ông Hoàng Trung N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp Hậu Hòa, xã Đức Hòa Thượng, huyện Q, tỉnh Long An.

3.7. Văn phòng công chứng Lê Ngọc Minh.

Địa chỉ: Ấp Gò Cao, thị trấn V, huyện Q, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc Ô – Trưởng văn phòng.

3.8. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.

Địa chỉ: Số 37 Quốc lộ 1A, Phường J, thành phố Z, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh O – Giám đốc.

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị C và bà Hà Thị Thanh Thuý.

(Bà H, ông B, ông D có mặt tại phiên tòa; các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/4/2021 của nguyên đơn Phạm Thị Lâm, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại

phiên toà, ông Hồ Văn B là người đại diện của nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Trước khi chết, ông Phạm Văn Ê có tài sản là phần đất có diện tích 3.676m² thuộc thửa đất số 150, tờ bản đồ số 31, tại xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Q, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 217065 số vào sổ cấp 838 QSDĐ/0715-LA ngày 27/6/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Long An cấp ông Ê đứng tên.

Khi còn sống, ông Ê không có vợ, không có con ruột và không có con nuôi. Cha ông Ê là ông Phạm Văn H1 chết trước ông Ê đã lâu nên không có giấy chứng tử. Mẹ ông Ê là bà Nguyễn Thị H2 (Đặng Thị H2) chết trước ông Ê nên cũng không có giấy chứng tử. Ông Phạm Văn Ê có 02 chị em ruột là bà Phạm Thị A và bà Phạm Thị C. Đến năm 2018, ông Phạm Văn Ê chết theo Giấy chứng tử số 40/TL-BSKT do Ủy ban nhân dân xã P cấp ngày 20/6/2018.

Ngày 24/01/2019, bà Phạm Thị C đi làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế của ông Phạm Văn Ê tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 31, xã Mỹ Hạnh Bắc tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc Minh nhưng không cho bà biết và cố tình không khai bà A là đồng thừa kế được hưởng di sản quyền sử dụng đất do ông Ê để lại.

Bà Phạm Thị C được cập nhật biến động sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/4/2019. Ngày 19/4/2019, bà Phạm Thị C chuyển nhượng thửa đất số 150, tờ bản đồ số 31 cho bà Mai Thị E theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4269 quyền số 04 TP/CC/SCC/HĐGD lập ngày 19/4/2019 tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc Minh. Do đó, bà Phạm Thị A yêu cầu tuyên vô hiệu Văn bản khai nhận di sản thừa kế công chứng số 1036 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 24/01/2019 tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc Minh; Tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4269 quyền số 04 TP/CC/SCC/HĐGD lập ngày 19/4/2019 tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc Minh.

Bà Phạm Thị A yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn Ê để lại là quyền sử dụng đất có diện tích 3.676m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 838 QSDĐ 0751-LA ngày 27/6/1997 theo pháp luật cho 02 người thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông Ê, mỗi người sẽ nhận $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất. Trong đó, bà A yêu cầu nhận bằng hiện vật là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất đối với phần di sản nêu trên. Nguyên đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Thị Liễu do ông Nguyễn Ngọc D đại diện trình bày: Bà Phạm Thị C thống nhất lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà C và bà A là người thừa kế theo hàng thừa kế thứ hai của ông Ê đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ số 31, diện tích 3.676m², tọa lạc tại xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Q, tỉnh Long An là do ông bà để lại.

Khi ông Phạm Văn Ê còn sống không có vợ, con, sống một mình bị bệnh nhiều năm. Từ năm 2021, ông Ê bị bệnh cao huyết áp, tháng 4/2014 bị tai nạn giao thông bị gãy chân và tai biến mạch máu não, kể từ thời điểm đó ông Ê không còn khả năng lao động cũng như không tự chăm sóc bản thân. Trong suốt thời gian từ tháng 3/2014 đến khi qua đời (năm 2018) thì bà C là người duy nhất

nuôi dưỡng, chăm sóc ông Ê, từ đó bà C không làm được công việc của bản thân nên trong thời gian này (từ tháng 3/2014 đến tháng 5/2018 bà C hoàn toàn không có thu nhập, tài chính nuôi sống bản thân phải nhờ vào người thân.

Ngày 07/5/2018, ông Ê chết, bà C là người đứng ra lo mai táng cho ông Ê, toàn bộ chi phí là 186.600.000 đồng trong đó bao gồm: tiền chợ, thuê rạp và bàn ghế, thầy tụng là 35.000.000 đồng; tiền quan tài, khâm liệm 40.000.000 đồng; tiền xây mồ 66.600.000 đồng. Tiền công chăm sóc ông Ê tương đương với ngày công lao động phổ thông trung bình từ năm 2014 đến năm 2018 là 350.000 đồng/ngày với con số cụ thể như sau: $1.526 \text{ ngày} \times 350.000 = 534.100.000 \text{ đồng}$.

Sau thời gian dài trị bệnh đến ngày 07/5/2018 ông Ê chết, sau khi ông Ê chết, bà C không có tiền trả cho bà G nên bà C làm giấy sang nhượng diện tích đất 1.200m² thuộc một phần thửa số 150, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã Mỹ Hạnh Bắc do bà E đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ làm giấy tay. Do bà G sống ở thành phố Hồ Chí Minh nên không được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, nên hai bên mới thỏa thuận chuyển mục đích đất lên đất thổ cư rồi tách thửa quyền sử dụng đất cho bà G, bà G sẽ chịu tiền nộp thuế.

Bà Phạm Thị C yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị A phải chi trả cho bà C số tiền là 720.700.000 đồng. Bà Phạm Thị C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A.

Bà Phạm Thị C đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Hà Thị Thanh G.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Mai Thị Hiền vắng mặt tại phiên tòa nhưng trình bày tại bản tự khai như sau: Bà thống nhất trình bày của bà Phạm Thị C. Bà đứng tên dùm cho bà C đối với quyền sử dụng đất, tài sản vẫn là của bà C chứ chứ không phải của bà Mai Thị E.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Hà Thị Thanh G do bà Dương Thị Kim H trình bày: Ông Phạm Văn Ê bị bệnh hiểm nghèo mà bản thân ông Ê không có vợ con nên từ tháng 02/2012 đến tháng 02/2018 bà Phạm Thị C là em ruột của ông Ê có mượn của bà G nhiều lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng để nuôi dưỡng và trị bệnh cho ông Ê. Sau thời gian dài trị bệnh đến ngày 07/5/2018 thì ông Ê chết. Sau khi ông Ê chết, bà C không có tiền trả cho bà G nên bà C làm giấy sang nhượng diện tích đất 1.200m² thuộc một phần thửa số 150, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã Mỹ Hạnh Bắc do bà E đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên chỉ làm giấy tay. Bà G sống ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không đủ điều kiện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, nên hai bên mới thỏa thuận chuyển mục đích lên đất thổ rồi tách thửa quyền sử dụng đất cho bà G, bà G sẽ chịu tiền nộp thuế, bà C đồng ý nên bà G chờ.

Tuy nhiên, đến hiện nay bà C cũng không thực hiện nên bà G yêu cầu bà C phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 1.200m² thuộc một phần thửa 150, tờ bản đồ số 31 xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Q, tỉnh Long An cho bà G. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Q tỉnh Long An trình bày tại Công văn số 13067/UBNDT-NC ngày 29/9/2021 trình bày như sau: thửa đất số 150, tờ bản đồ số 31, đất tọa lạc tại xã P, huyện Q, tỉnh Long An do bà Mai Thị E đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 171/2023/DS-ST ngày 31-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, 123, 357, 468, 500, 501, 502, 503, 609, 649 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 167, 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm d Điều 12, Điều 14, 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị A về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Ê là quyền sử dụng đất thửa 150, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Q, tỉnh Long An, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Tuyên bố vô hiệu văn bản khai nhận di sản ngày 24/01/2019 của bà Phạm Thị C tại Văn phòng Công chứng Lê Ngọc Minh đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Q, tỉnh Long An.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/4/2019 của bà Phạm Thị C với bà Mai Thị E tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc Minh đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Q, tỉnh Long An.

Xác định quyền sử dụng đất đất diện tích 2.925,3m² thuộc thửa đất số 150, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Q, tỉnh Long An là di sản thừa kế của ông Phạm Văn Ê.

Chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn Ê cho bà Phạm Thị A được chia 1.400m² (khu A) thuộc một phần thửa 150, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Q, tỉnh Long An.

Chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn Ê cho bà Phạm Thị C được chia 1.525,3m² (khu B) thuộc một phần thửa 150, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Q, tỉnh Long An.

(Vị trí, tứ cận, loại đất nêu trên được xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 54-2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 08/01/2021 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Q duyệt ngày 13/01/2021; Mảnh trích đo phân khu bản đồ địa chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ ngày 30/8/2023).

Bà Mai Thị E có nghĩa vụ nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi, điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp không nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền, Cơ quan Tài nguyên môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Q căn cứ

vào bản án, quyết định của Tòa án trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thu hồi, chỉnh biên động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Bà Phạm Thị A và bà Phạm Thị C được liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký và làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu A diện tích 1.400m², khu B diện tích 1.525,3m² thuộc một phần thửa 150, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại, xã Mỹ hạnh Bắc, huyện Q, tỉnh Long An theo quy định của pháp luật về đất đai.

Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biên động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Các đương sự không được ngăn cản các bên thực hiện quyền của người được xác lập quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định của Tòa án. Trường hợp các bên vi phạm việc sử dụng đất đã được xác định theo bản án, quyết định của Tòa án thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện (phản tố) của bà Phạm Thị C về việc buộc bà Phạm Thị A phải trả cho bà C số tiền 720.700.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hà Thị Thanh G về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/4/2019 đất giữa bà Phạm Thị C và bà Hà Thị Thanh G.

4. Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 36.866.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu 18.433.000 đồng. Bị đơn phải chịu 18.433.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp và chi phí xong, bị đơn có nghĩa vụ nộp thêm số tiền 18.433.000 đồng để trả cho bà Phạm Thị A.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị A phải chịu án phí cho phần thừa kế được nhận và một phần yêu cầu thừa kế không được chấp nhận nhưng bà A thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà C phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn về vô hiệu văn bản khai nhận di sản thừa kế và yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 600.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm về phần di sản được nhận là 25.605.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 32.828.000 đồng.

Tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị C phải chịu là 59.033.000 đồng nhưng được khấu trừ 16.420.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp tại biên lai thu số 0008141 ngày 02/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q. Bà C còn phải nộp thêm 42.613.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hà Thị Thanh G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0011648 ngày 23/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q. Bà G đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 11/9/2023, bà Phạm Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bản án đã tuyên xử chấp nhận chia thừa kế quyền sử dụng đất do ông Phạm Văn Ê đứng tên cho bà Phạm Thị A là không xem xét toàn diện chứng cứ mà bà đã cung cấp. Bác yêu cầu phản tố của bà về chi phí điều trị bệnh, mai táng, xây mộ cho ông Ê và tiền công bà chăm sóc nuôi dưỡng ông Ê trong suốt thời gian ông Ê bệnh cho đến khi qua đời là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét: Cải sửa bản án sơ thẩm trên cơ sở tài liệu chứng cứ mà bà đã cung cấp để tính kỹ phần mà nguyên đơn được hưởng, đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của bà.

- Ngày 11/9/2023, bà Hà Thị Thanh Thuý kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bản án tuyên không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà đối với bà C là không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bà, không tôn trọng nguyên tắc xét xử về quyền định đoạt của đương sự vì bà C đã đồng ý theo yêu cầu độc lập của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu độc lập, yêu cầu kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Ông Nguyễn Ngọc D đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị C tranh luận: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ cha ruột ông Ê, đề nghị Tòa án xác minh làm rõ vấn đề này. Đề nghị xem xét công sức đóng góp, công nuôi dưỡng và chi phí làm mồ mả cho ông Ê do bà C bỏ ra; đồng thời bà C đồng ý chuyển nhượng cho Thuý phần đất 1.200m² như đã thoả thuận trước đây.

- Bà Dương Thị Kim H đại diện theo uỷ quyền của bà Hà Thị Thanh Thuý tranh luận: Thực chất bà C có nhận tiền từ bà Thuý để chi phí thuốc men, ăn uống, điều trị bệnh cho ông Ê trong thời gian ông Ê bị bệnh, bị tai nạn giao thông phải ngồi xe lăn. Tại phiên tòa đại diện cho bà C cũng đồng ý chuyển nhượng 1.200m² cho bà Thuý nên đề nghị Tòa án công nhận.

- Ông Hồ Văn B đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị A tranh luận: Trên Sổ trắng không thể hiện đất tại đâu nên không có cơ sở xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ cha ruột ông Ê. Ông không đồng ý yêu cầu thanh toán chi phí mai táng, mồ mả khi ông Ê chết vì vấn đề này do bà C và bà A cũng lo liệu.

Ông thừa nhận rằng bà C là người trực tiếp chăm sóc ông Ê nhưng ông không tính được ngày công lao động chăm sóc người bệnh là bao nhiêu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để mang tính nhân văn.

Đối với việc chuyển nhượng giữa bà C và bà Thuý chỉ là giấy tay không có công chứng, chứng thực nên không có giá trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Lúc còn sống, ông Phạm Văn Ê có tài sản là phần đất diện tích 3.676m² thuộc thửa đất số 150, tờ bản đồ số 31, loại đất LUK, tại xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Q, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 217065 số vào sổ cấp 838 QSDĐ/0715-LA do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Long An cấp cho ông Phạm Văn Ê ngày 27/6/1997. Đến năm 2018, ông Phạm Văn Ê chết theo giấy chứng tử số 40/TL-BSKT do Ủy ban nhân dân xã P cấp ngày 20/6/2018. Do ông Ê đã chết nên thửa đất số 150 là di sản thừa kế của ông Ê chưa chia, ông Ê chết không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, cần xác minh làm rõ nguồn gốc đất có phải của ông Phạm Văn H1 (cha ruột ông Ê) hay không, vì bà C là em ruột của ông Ê còn bà A là chị cùng mẹ khác cha với ông Ê nên xét về nguồn gốc đất của cha ruột thì bà C phải được chia nhiều hơn.

Ông Ê không có vợ, không có con ruột và không có con nuôi. Cha ông Ê là ông Phạm Văn H1 và mẹ ông Ê là bà Nguyễn Thị H2 (còn gọi là Đặng Thị Giát) chết trước ông Ê. Ông Phạm Văn Ê có 02 chị em ruột là bà Phạm Thị A và bà Phạm Thị C. Do đó, bà A và bà C là hàng thừa kế thứ hai được hưởng di sản thừa kế của ông Ê.

Bà Phạm Thị C khai tại Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 24/01/2019 hàng thừa kế thứ hai của ông Ê chỉ có bà C là không đúng sự thật nên Văn bản khai nhận di sản thừa kế công chứng số 1036, quyền số 01 TP/CC/SCC/HĐGD lập ngày 24/01/2019 tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc Minh bị vô hiệu.

Bà Mai Thị E thừa nhận việc đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà E đứng tên giùm bà C nên thực tế việc chuyển nhượng là không diễn ra, bà C và bà E ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm che giấu cho thỏa thuận khác nên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4269, quyền số 04 TP/CC/SCC/HĐGD lập ngày 19/4/2019 tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc Minh cũng bị vô hiệu.

Bà Phạm Thị C yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị A phải chi trả cho bà C tiền mai táng ông Ê 186.600.000 đồng; tiền công chăm sóc ông Ê 534.100.000 đồng, tổng cộng là 720.700.000 đồng. Xét thấy, các đương sự trình bày bà C là người trực tiếp chăm sóc ông Ê lúc ông Ê bị bệnh và chi phí đám tang, xây mộ

mã cho ông Ê, bà A có phụ bà C chăm sóc, lo đám tang cho ông Ê nên cần xem xét làm rõ trừ các khoản chi phí này vào giá trị di sản khi chia thừa kế.

Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/4/2019 giữa bà Phạm Thị C và bà Hà Thị Thanh G (không công chứng, chứng thực) ghi nhận bà C thỏa thuận chuyển nhượng cho bà G diện tích 1.200m² đất với số tiền 300 triệu đồng, theo hình thức cần trừ tiền bà C đã mượn từ năm 2012. Xét thấy, bà C và bà G đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng nên cần xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên, kháng cáo của bà Phạm Thị C, bà Hà Thị Thanh Thuý có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xác minh làm rõ nguồn gốc đất và chi phí chăm sóc ông Ê, chi phí đám tang, xây mộ mã cho ông Ê.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Phạm Thị C và bà Hà Thị Thanh Thuý kháng cáo hợp lệ, thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Các bên đương sự tranh chấp liên quan đến phần đất thuộc thửa 150, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An nên Toà án nhân dân huyện Đức Hoà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền về lãnh thổ quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Đức Hoà, đại diện Văn phòng công chứng Lê Ngọc Minh, đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An, bà Mai Thị E, ông Hoàng Trung N, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn M, bà Hà Thị F đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử mà không hoãn phiên toà.

[1.4] Tại mục [3] của bản án sơ thẩm có ghi “Về việc vắng mặt của đương sự” nhưng lại nhận định đối với các đương sự có mặt mà không đề cập đến đương sự vắng mặt là chưa đúng.

[1.5] Trong toàn bộ hồ sơ vụ án thể hiện, Toà án cấp sơ thẩm chỉ thực hiện việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ một lần vào ngày 25/8/2022 (bút lục 277, 278) khi chưa có yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị C. Sau khi thụ lý yêu cầu phản tố của bà C vào ngày 02/3/2023 theo Thông báo về việc thụ lý yêu cầu phản tố số 351/TB-TLVA, Toà án cấp sơ thẩm không tổ chức phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.6] Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bà Thuý cung cấp thông tin về chồng của bà Thuý. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự cung cấp và xác định chồng bà Thuý tham gia tố tụng là vi phạm Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 217065 ngày 27/6/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hoà cấp cho ông Phạm Văn Ê đứng tên đối với

thửa đất số 150, tờ bản đồ số 31, diện tích 3.676m², tọa lạc tại xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An. Ông Phạm Văn H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tấc đất tấc vàng đối với thửa đất số 5003, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.957m². Thửa đất số 150 và thửa đất số 5003 có trùng khớp nhau không thì tại biên bản xác minh ngày 11/8/2023 (bút lục 283) chưa thể hiện và Toà án cấp sơ thẩm không tiếp tục làm rõ để xác định phần đất tranh chấp do ông Ê tự khai hoang hoặc nhận thừa kế từ ông Hoa hoặc nhận tặng cho. Trong khi bà C cho rằng phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn Tường và bà Võ Thị Nhiên (ông bà ngoại của bà C) để lại cho bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Thanh và bà Nguyễn Thị Gát (mẹ bà C). Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị làm rõ nguồn gốc đất là cơ sở.

[2.2] Tại bản tự khai ngày 29/8/2020 (bút lục 183), bà Hà Thị F cho rằng đã nhận chuyển nhượng 1/3 phần đất tranh chấp nêu trên. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm không làm rõ bà F có yêu cầu khởi kiện độc lập không? Trong các biên bản hoà giải, bà F cũng không thể hiện ý kiến. Ngoài ra, bà F cho rằng bà E chỉ là người đại diện cho bà F đứng tên nhận chuyển nhượng 1/3 (1.200m²) phần đất tranh chấp là không thống nhất với bà E và bà C. Toà án cấp sơ thẩm không tiến hành cho đối chất giữa các đương sự là chưa đúng quy định tại Điều 100 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Tại bản tự khai ngày 15/6/2023 (bút lục 175), ông Hồ Văn B đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị A thừa nhận rằng, “*ông Phạm Văn Ê sống cùng Phạm Thị Liễu,...từ năm 2014 đến năm 2018 khi anh Tâm bệnh không thể lao động được....bà C là người sống cùng anh Tâm trong khoảng thời gian anh bị bệnh...*”. Đồng thời, tại phiên toà sơ thẩm, ông B thừa nhận “*vụ án trước đây bà C không đề cập đến những yêu cầu này (yêu cầu bà A hoàn trả chi phí mai táng và tiền công chăm sóc ông Ê)*”. Tại phiên toà phúc thẩm, ông B cũng thừa nhận là bà C là người trực tiếp chăm sóc ông Ê nhưng không biết ngày công lao động chăm sóc người bệnh là bao nhiêu. Như vậy, chứng tỏ bà C có công chăm sóc ông Ê trong thời gian dài (theo như ông B thừa nhận từ năm 2014 đến 2018) nhưng Toà án sơ thẩm nhận định “*...trước đây bà C, bà A, bà K đã thỏa thuận phân chia đất của ông Ê chết để lại (gồm 4 thửa đất khác) theo Quyết định 67 ngày 25/7/2019, thời điểm này các bên không đưa ra lý do thỏa thuận cản trở chi phí nêu trên, bà C đã hưởng phần đất nhiều hơn...*” là không đúng thực tế khách quan và không phù hợp với quy định pháp luật tố tụng. Bởi lẽ, quyền khởi kiện thuộc về đương sự, việc không đưa ra yêu cầu khởi kiện trong vụ án trước đây không làm mất đi quyền phản tố của bị đơn. Lẽ ra, Toà án cấp sơ thẩm phải tiến hành xác minh thực tế tại địa phương ông Ê sinh sống trước khi chết về chi phí sinh hoạt, ngày công lao động, chăm sóc người bệnh, chi phí mai táng,...để xem xét yêu cầu của bà C phù hợp thực tế khách quan. Sự thiếu sót trên của Toà án cấp sơ thẩm, Toà án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[2.4] Bên cạnh đó, bà C cho rằng có vay tiền của bà Thuý 300.000.000 để chăm sóc, điều trị bệnh cho ông Ê thì Toà án cấp sơ thẩm cần xác minh làm rõ trước khi chết ông Ê làm nghề gì? Lao động thu nhập bao nhiêu? Khi bị bệnh từ

2014 đến 2018 thì ông Ê sinh sống bằng nguồn thu nhập nào? Có điều trị bệnh tại bệnh viện không? Chi phí điều trị là bao nhiêu?

Từ đó những căn cứ trên thấy rằng những thiếu sót của Toà án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, Toà án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do huỷ bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị C và bà Hà Thị Thanh Thuý.

[1] Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 171/2023/DS-ST ngày 31-8-2023 của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[2] Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xem xét, quyết định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí sơ thẩm: Toà án quyết định sau khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[5] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Hà Thị Thanh Thuý 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001901 ngày 12/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[6] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh